TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 8 năm 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa chị Tr, anh Q

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1995

Đăng ký HKTT: thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ hiện ở: thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn Q, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Chị Tr có mặt, anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tr có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đinh Văn Q có tự do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 08/02/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh Q ở thôn Đ, xã A, huyện Q. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q không quan tâm đến vợ con, ngoài ra anh Q còn chơi bời nợ nần. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng vào tháng 3/2021 chị Tr đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã A, huyện Q sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó không ai quan tâm gì đến nhau. Chị Tr thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị xin được ly hôn với anh Đinh Văn Q.

Về con chung: Chị Tr và anh Q có 02 con chung là Đinh Nguyễn Huyền L, sinh ngày 26/5/20217 và Đinh Nguyễn Huyền M, sinh ngày 31/7/2019. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu Huyền M còn anh Q nuôi dưỡng cháu Huyền L, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị và anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Hiện chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại bản tự khai, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xét giải quyết vắng mặt đề ngày 11/6/2021, bị đơn anh Đinh Văn Q thể hiện quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận anh và chị Tr là vợ chồng có có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 08/02/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm hỏi han gì đến nhau. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Tr xin ly hôn, anh Q cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đúng như chị Tr đã trình bày. Ly hôn anh nuôi dưỡng cháu Huyền L, chị Tr nuôi dưỡng cháu Huyền M, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh và chị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Q đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do anh Q đang đi làm ăn ở Hải Phòng do công việc bận mải nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại biên bản xác minh với ông Đinh Văn S (là bố đẻ anh Q), địa chỉ: thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, ông S trình bày: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Đinh Văn Q như chị Tr, anh Q trình bày là đúng. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như thế nào gia đình ông không nắm được vì vợ chồng không chia sẻ gì với ông. Nay chị Tr làm đơn xin ly hôn anh Q đây là việc riêng của vợ chồng nên ông không có ý kiến gì; Về con chung: Vợ chồng chị Tr anh Q có 02 con chung như anh chị trình bày là đúng, hiện cháu Huyền L đang ở cùng anh Q và ông còn cháu Huyền M đang ở cùng với chị Tr. Trường hợp vợ chồng ly hôn ông đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của vợ chồng để giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Ông không nắm rõ.

- Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Đinh Văn Q là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh anh Đinh Văn Q có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Tr, anh Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng hơn 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu trầm thuẫn trở nên trầm trọng vào khoảng tháng 3/2021 chị Tr đã về nhà bố mẹ ở xã A, huyện Q sinh sống. Vợ chồng không quan tâm hỏi han gì đến nhau nữa, chị Tr xin ly hôn, anh Q nhất trí. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị Tr được ly hôn anh Q là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Tr, anh Q có 02 con chung là Đinh Nguyễn Huyền L, sinh ngày 26/5/20217 và Đinh Nguyễn Huyền M, sinh ngày 31/7/2019. Hiện cháu Huyền M đang ở cùng với chị Tr còn cháu Huyền L đang ở cùng với anh Q. Ly hôn, chị Tr đề nghị Tòa án giao con chung Đinh Nguyễn Huyền M cho chị nuôi dưỡng, anh Q nuôi dưỡng cháu Đinh Nguyễn Huyền L, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt anh Q cũng trình bày quan điểm như chị Tr trình bày. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao con chung Đinh Nguyễn Huyền M, sinh ngày 31/7/2019 cho chị Tr được nuôi dưỡng, giao con chung Đinh Nguyễn Huyền L, sinh ngày 26/5/2017 cho anh Q được nuôi dưỡng. Chị Tr anh Q không yêu cầu góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau, anh chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr, anh Q thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Tr phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Tr, anh Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn anh Đinh Văn Q.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Nguyễn Huyền M, sinh ngày 31/7/2019. Anh Đinh Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Nguyễn Huyền L, sinh ngày 26/5/2017. Chị Tr anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai số 0004406 ngày 08/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị Tr đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25 tháng 8 năm 2021). Anh Đinh Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

***Nơi nhận**:*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;*
- *UBND xã A, huyện Q (nơi ĐKKH);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng